| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KINH MÔN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 70/2018/HS-ST
Ngày: 27/8/2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoa - K sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2018; Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa tại trụ sở để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn U, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ng; Gia đình có 02 chị em; vợ: Lê Thị Th; Bị cáo có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 07/4/2014, Nguyễn Văn N bị Công an thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 174/QĐ-XPVPHC về hành vi Đánh bạc. Ngày 19/6/2014, Nguyễn Văn N bị Công an phường Thanh Bình - thành phố Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ- CATP về hành vi Đánh bạc.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T - sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C; Gia đình có 06 anh em; Vợ: Tiên Thị L; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

3. Họ và tên: Đàm Văn Th - sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đàm Văn C và bà Trần Thị C - sinh năm 1933; Gia đình có 06 anh chị em; Vợ Vũ Thị X; Bị cáo có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại bản án số 39/2011/HSST ngày 04/8/2011, Đàm Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 07/11/2011, Thắng thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn X - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Trịnh Thị Th; Gia đình có 02 anh em; Vợ Nguyễn Thị H; Bị cáo có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

5. Họ và tên: Trần Văn Th - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;. Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn H và bà Trần Thị H; Gia đình có 02 anh em; Tiền án, tiền sự: Không.

6. Họ và tên: Đàm Văn K - sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đàm Văn Thuộc và bà Nguyễn Thị Giàng; Gia đình có 06 anh chị em; Vợ: Nguyễn Thị Chiến; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

*Các bị cáo đều đang tại ngoại, đều có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Tối ngày 13/4/2018, Nguyễn Văn N dùng điện thoại di động Nokia 150 của N gọi vào điện thoại di động Iphone 5S của Trần Văn Th và điện thoại di động của Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Trung) - sinh năm 1980, TQ: thôn Hán X, xã T, huyện K rủ Thắng và B sáng ngày hôm sau đến nhà Đàm Văn K ở: thôn P, xã T, huyện K đánh bạc, Thắng và B đồng ý. Sáng ngày 14/4/2018, N và B đến nhà K thì thấy Nguyễn Văn T và K đang ngồi chơi uống nước, N và B vào ngồi uống nước cùng. Một lúc sau, N nghe điện thoại của Trần Văn Th rồi đi ra ngoài dẫn Thắng vào nhà K ngồi chơi. Khi đó, N rủ mọi người đánh bạc và hỏi K: *Cho chúng cháu chơi nhờ một tý*, K hiểu là N hỏi cho mọi người đánh bạc tại nhà K, K đồng ý. N đưa cho K 50.000 đồng nhờ đi mua 01 bộ bài Tú lơ khơ, nước uống và đưa cho K 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhờ K đi đổi hộ tiền lẻ để N sử dụng đánh bạc. Khi K đi đổi tiền lẻ và mua bộ bài Tú lơ khơ đem về đưa cho N thì N, Thắng và B vào gian phòng ngủ của nhà K ngồi xuống nền nhà chơi đánh liêng vui để chờ thêm người thì đánh bạc. Khoảng hơn 08 giờ cùng ngày, T vào phòng ngủ của nhà K và hỏi mọi người cho T chơi đánh liêng cùng. Lúc đó, N, Thắng, B và T bắt đầu tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền. Khi bắt đầu đánh bạc, mỗi người chơi sẽ được chia 03 quân bài Tú lơ khơ. Trước khi bắt đầu mỗi ván chơi, quy định mỗi người chơi đặt số tiền cược (tiền gà) là 10.000 đồng, nếu lên bài thấy bài của mình ít điểm, không thể thắng thì úp bài và sẽ mất đi số tiền cược ban đầu. Nếu sau khi có người tố (là hình thức người chơi đặt cược, bỏ thêm tiền, quy định mức tố tối đa là 100.000 đồng), thì người chơi còn lại sẽ phải bỏ thêm số tiền bằng với số tiền người trước đã tố (gọi là theo). Người tố sau thì mức tiền đặt cược phải cao hơn số tiền đặt cược của người tố trước đã đặt. Ván chơi sẽ kết thúc khi chỉ còn lại một người không úp bài hoặc không có ai tố thêm tiền nữa. Nếu chỉ còn một người theo bài thì người này sẽ là người thắng. Nếu còn

lại ít nhất 02 người chơi trở lên theo vòng tố thì tất cả người chơi đó sẽ so bài để tìm người thắng cuộc. Cách so bài xếp theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Sáp: là 03 quân bài giống nhau; Liêng: là 03 quân bài liên tiếp nhau; Ảnh: là ba quân bài đều là quân có hình người J, Q, hoặc K (không tính trường hợp 03 quân bài theo đúng thứ tự liên tiếp nhau). Trong một ván bạc, khi không có người nào có Sáp, Liêng, Ảnh thì tính điểm để tìm người thắng cuộc. Người thắng ván bài sẽ được nhận về số tiền mình đã đặt và tiền của người thua bạc đã đặt ván đó. Trước khi tham gia đánh bạc, N khai có 900.000 đồng, Thắng khai có 410.000 đồng, T khai có 3.400.000 đồng, B khai có 200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Sau khi đánh bạc được khoảng 20 phút, B bị thua hết tiền nên đứng dậy đi về. Lúc đó, Thắng gọi điện thoại cho Nguyễn Văn X bảo X đến nhà K đón Thắng về. Khoảng 09 giờ cùng ngày, X đi xe máy biển số 34B2-557.35 do X mượn của anh Nguyễn Văn Cường - sinh năm 1991, TQ: thôn U, xã B, huyện K đến nhà K, thấy N, Thắng và T đang đánh bạc, X vào tham gia đánh bạc cùng mọi người. X khai có 600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Trong khi đánh bạc, N, Thắng và X mỗi người bỏ ra 30.000 đồng, N cầm 90.000 đồng đưa cho K. Sau đó, K đổi số tiền 90.000 nêu trên cho T để lấy 100.000 đồng chẵn. Khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, T mượn điện thoại di động Nokia 216 của K gọi vào điện thoại di động Sony C6903 của Đàm Văn Th rủ Thắng đến nhà K đánh bạc, Thắng đồng ý và đem theo số tiền 5.500.000 đồng đến nhà K đánh bạc cùng mọi người. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, Trần Văn Th không đánh bạc nữa và lên giường nhà K nằm ngủ. N, T, X và Đàm Văn Th tiếp tục đánh bạc đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì X bị thua hết tiền lên tất cả mọi người không đánh bạc nữa. Ngay sau đó, Tổ công tác thuộc công an huyện K đến nhà K tiến hành kiểm tra, K đã khai báo về việc mọi người đã đánh bạc tại nhà K và tự nguyện giao nộp 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân sử dụng đánh bạc. Lực lượng công an yêu cầu mọi người giao nộp số tiền liên quan đến việc đánh bạc, K đã giao nộp 200.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền của N, X, Trần Văn Th và T cho K, 100.000 đồng còn lại là tiền của K, N giao nộp 50.000 đồng, T giao nộp 4.000.000 đồng, Trần Văn Th giao nộp 400.000 đồng và Đàm Văn Th giao nộp 7.070.000 đồng, là tiền do N, T, Trần Văn Th và Đàm Văn Th sử dụng đánh bạc và do đánh bạc mà có.

Cùng ngày 14/4/2018, Tổ công tác thuộc công an huyện K tiến hành quản lý của N 01 chiếc điện thoại di động Nokia 150 kèm theo 01 sim, quản lý của Trần Văn Th 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S kèm theo 01 sim, quản lý của K 01 chiếc điện thoại di động Nokia 216 kèm theo 01 sim, quản lý của Đàm Văn Th 01 chiếc điện thoại di động Sony C6903 kèm theo 01 sim, quản lý của X 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen kèm theo 01 sim và 01 chiếc xe máy biển số 34B2-557.35, quản lý của T 01 chiếc xe máy biển số 34M8-1126 do T mượn của anh Trần Văn Mạnh - sinh năm 1971, TQ: Phượng Hoàng - T - K - Hải Dương. Ngày 19/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K trả lại Nguyễn Văn X 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen kèm theo 01 sim, trả lại anh Nguyễn Văn Cường chiếc xe máy biển số 34B2-557.35 và trả lại anh Trần Văn Mạnh chiếc xe máy biển số 34M8-1126.

Đối với chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn B liên lạc với N để đi đánh bạc, sau đó B đã làm mất, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K không thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT - VKSKM ngày 10/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

* Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của VKSND huyện K và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện VKSND huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K phạm tội Đánh bạc;

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng nhận được Quyết định và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% - 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo Đàm Văn Th trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo Đàm Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% - 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Văn Th trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Trần Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn K từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án; Khấu trừ từ 10% - 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo K trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo

K cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn X từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt tiền đối với các bị cáo N, T và Đàm Văn Th mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo X, Trần Văn Th và Đàm Văn K.

- *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân cho tiêu hủy; tịch thu 01 chiếc điện thoại di động Nokia 150 kèm theo 01 sim của bị cáo N, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S kèm theo 01 sim của bị cáo Trần Văn Th, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 216 kèm theo 01 sim của bị cáo K, 01 chiếc điện thoại di động Sony C6903 kèm theo 01 sim của bị cáo Đàm Văn Th sử dụng vào việc phạm tội phát mại sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 11.620.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trả lại bị cáo K số tiền 100.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án phí.

- *Về án phí:* Các bị cáo phạm tội và bị kết án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện K; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, những lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và những người làm chứng; phù hợp khách quan với những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng hơn 08 giờ ngày 14/4/2018, Đàm Văn K đã dùng nhà ở của mình tại thôn P, xã T, huyện K cho Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th đánh bạc trái phép bằng hình thức *đánh liêng* sát phạt nhau bằng tiền. Khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, ngay sau khi N cùng các đồng phạm vừa đánh bạc xong thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện K phát

hiện, thu giữ vật chứng gồm: 52 quân bài Tú lơ khơ và số tiền 11.620.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo K mặc dù biết các đối tượng trên đánh bạc được thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý để các đối tượng trên đánh bạc tại nhà ở của mình, đã đi mua 52 quân bài và đổi tiền hộ bị cáo N dùng để dùng vào việc đánh bạc trái phép; tổng số có 05 bị cáo tham gia đánh bạc tại nhà của bị cáo K với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 11.620.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo K không cấu thành tội *"Gá bạc"* theo quy định tại Điều 232 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K đều về tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

*[3] Đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm. Trong vụ án, bị cáo N là người khởi xướng đánh bạc từ đầu, dùng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc và là người bỏ tiền nhờ K mua hộ bộ bài Tú lơ khơ sử dụng đánh bạc nên là người thực hành tích cực, giữ vai trò chính; Bị cáo T là người gọi điện thoại rủ Đàm Văn Th đánh bạc, dùng số tiền 3.400.000 đồng vào việc đánh bạc từ đầu nên là người thực hành tích cực, giữ vai trò thứ hai; tiếp đến, Đàm Văn Th tuy vào đánh bạc ở giai đoạn sau nhưng dùng số tiền 5.500.000 đồng vào việc đánh bạc đến khi bị bắt giữ; Nguyễn Văn X tham gia đánh bạc với số tiền 600.000 đồng từ khi được được Thắng gọi đến, tham gia đánh bạc đến lúc bị bắt giữ; Trần Văn Th tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền là 410.000 đồng đến 11 giờ thì không tham gia đánh bạc nữa nên các bị cáo đều được xác định là đồng phạm tham gia với vai trò là người thực hành tích cực với vai trò cuối; Bị cáo K là đồng phạm tham gia với vai trò là người giúp sức và ở vị trí vai trò cuối trong vụ án.

*[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; làm ảnh hưởng đến cuộc sống kinh tế cũng như hạnh phúc gia đình các đối tượng phạm tội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được việc đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị lớn là trái pháp luật. Nhưng do động cơ sát phạt nhau, không muốn lao động để tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, các bị cáo đã tụ tập, lôi cuốn nhau vào đánh bạc bằng hình thức *đánh liêng* để tước đoạt tài sản, tiền bạc của nhau. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

*[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo N, T, X, Trần Văn Th và Đàm Văn K đều lần đầu phạm tội, số lượng tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn nên được áp dụng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo N và T thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn; đều là người lao động nhất thời phạm tội, có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với bị cáo Đàm Văn Th, Trần Văn Th và Đàm Văn K đều là người lao động nhất thời phạm tội, là đồng phạm ít tích cực và ở vị trí cuối trong vụ án, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ nên áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự để khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt.

Đối với bị cao Nguyễn Văn X được xác định là đồng phạm ít tích cực trong vụ án, dùng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc ở giai đoạn sau so với các bị cáo khác nên thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

*[5] Hình phạt bổ sung:* Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Thấy, ngoài việc áp dụng hình phạt về nhân thân đối với các bị cáo N, T và Đàm Văn Th, Tòa án còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N, T và Đàm Văn Th mỗi bị cáo 10.000.000 đồng về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo còn lại không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

*[6] Xử lý vật chứng:*

+ Quá trình điều tra thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; Xét, đây là công cụ sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị nên cho tịch thu cho tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 150 kèm theo 01 sim của bị cáo N; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S kèm theo 01 sim của Trần Văn Th; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 216, kèm theo 01 sim của K; 01 chiếc điện thoại di động Sony C6903 kèm theo 01 sim của Đàm Văn Th. Xét, đây là tài sản các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội nên cần tuyên tịch thu, cho phát mại sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền thu giữ trong vụ án là 11.700.000 đồng. Hiện có căn cứ trong đó có 100.000 đồng là tiền của bị cáo K, không liên quan đến tội phạm cần tuyên trả lại cho bị cáo K nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án; số tiền còn lại là 11.620.000 đồng là tiền liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên cần tuyên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định.

*[7] Án phí:* Các bị cáo Nguyễn Văn N, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

*Vì lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*1.* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K đều phạm tội đánh bạc.

*2. Về hình phạt chính:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn Th 18 tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Đàm Văn Th trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đàm Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 231; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Văn Th trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Trần Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn K 12 tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án; Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo K trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Giao bị

cáo K cho Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X phải nộp 35.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

*3. Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T và Đàm Văn Th, mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước;

*Kể từ ngày bản án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*4.Về vật chứng:* Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, cho tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân; tịch thu, cho phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 150 kèm theo 01 sim của bị cáo N, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S kèm theo 01 sim của bị cáo Trần Văn Th, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 216 kèm theo 01 sim của bị cáo K, 01 chiếc điện thoại di động Sony C6903 kèm theo 01 sim của bị cáo Đàm Văn Th; Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.620.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại bị cáo Đàm Văn K số tiền 100.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án phí. *(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K)*

*5. Án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Buộc Nguyễn Văn N, Đàm Văn Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn X, Trần Văn Th và Đàm Văn K, mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*6. Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*** Nơi nhận:**
- *VKSND huyện Kinh Môn.*
- *Công an huyện Kinh Môn.*
- *Chi cục THADS huyện Kinh Môn.*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.*
- *Các bị cáo.*

**Phạm Anh Tuyết**